

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **06/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 26 - 02 - 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường

2. Ông Hà Xuân Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2019/ST-HNGĐ ngày 27 tháng 09 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX ST -HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm: 1968 (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt không có lý do).

Nguyên đơn, bị đơn cùng trú tại: Khu phố N, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 09 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn khởi kiện ngày 06/9/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2019 anh H trình bày anh và chị T sống chung như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, chỉ có tổ chức đám cưới ra mắt gia đình hai bên. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020 anh H trình bày anh và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước

Bình, huyện Phước Long (cũ) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 210, ngày 16/11/1995. Do thời gian kết hôn đã lâu bị thất lạc giấy kết hôn và không nhớ là có đi đăng ký kết hôn nên trước đó làm việc với Tòa án mới khai như vậy. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện anh H đã sống ly thân hơn 04 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, ai cũng có cuộc sống riêng. Anh H cảm thấy hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T

Về con chung: Anh H trình bày anh và chị T 03 có con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 02/09/1996; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 16/10/2005 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05/10/2006. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và cháu D; anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu K hiện đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Có vi phạm về thời hạn thụ lý vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Nội dung giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố N, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Hồng H nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T để tham gia phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo trình tự quy định pháp luật theo số 210 ngày 16/11/1995. Do vậy, hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh H và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là **do anh chị bất đồng quan điểm sống**, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua xác minh tại địa phương được biết anh H và chị T đã sống ly thân từ tháng hơn 04 năm nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm yêu thương lẫn nhau nữa mặc khác, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị T vẫn không thể hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh H, chị T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Từ lúc anh H và chị T ly thân, các con chung do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu B, yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu K hiện đã trưởng thành, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 16/10/2005 và cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05/10/2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B, cháu D đủ 18 tuổi. Đối với cháu K hiện đã đủ 18 tuổi nên anh H không yêu cầu giải quyết.

Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp có đơn yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0006586 ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Các đương sự;
- UBND p. Phước Bình (số 210 ngày 16/11/1995);
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa